TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HS-ST
Ngày 26-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thuý Hằng và ông Phạm Văn Tình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 76/2025/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/HSST - QĐXX ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn M; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 15/12/2005, tại: xã Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Thôn G Q, xã Q, tỉnh Nghệ An;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Họ và tên cha: Phạm Văn H, sinh năm 1968;

Họ và tên mẹ: Đậu Thị L, sinh năm 1971;

Anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là thứ bảy trong gia đình;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2025 đến ngày 22/10/2025 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 15/02/2004, tại: Xã H, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Xóm Y, xã H, tỉnh Nghệ An;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn D, sinh năm 1970;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ tư trong gia đình;

Vợ: Phan Thu H1, sinh năm 2004;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2023, nhỏ sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2025 đến ngày 22/10/2025 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại cho đến nay (Có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã K, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định nên từ đầu tháng 9/2025, Phạm Văn M nảy sinh ý định sử dụng mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức cho số lô, số đề. Hàng ngày, M truy cập vào ứng dụng Youtube rồi tìm kiếm các video liên quan đến việc cho số lô, số đề chuẩn. Sau đó, M vào phần bình luận của những video này để lấy số điện thoại của những người có nhu cầu mua số lô, số đề chuẩn. Phạm Văn M sử dụng tài khoản Zalo mang tên "Trương Hoài N1" đăng ký bằng số thuê bao "0395.093.882" rồi nhắn tin đến các tài khoản Zalo có số điện thoại, M lấy từ các video trong Youtube. Phạm Văn M nhắn tin đến những người này và giới thiệu mình có khả năng cho các số lô, số đề chuẩn xác uy tín cao, khả năng trúng thưởng từ 90% trở lên. Nếu những người này đồng ý thì Phạm Văn M yêu cầu trả phí từ 2.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi nhận được tiền, hàng ngày Phạm Văn M sẽ gửi những số lô, số đề mà Minh tự nghĩ ra, không có căn cứ nào về tính chính xác. Đồng thời, Phạm Văn M cũng nhận thức được kết quả xổ số kiến thiết hàng ngày là ngẫu nhiên, không ai có thể dự đoán trước được.

Bằng hình thức như trên, ngày 12/9/2025, Phạm Văn M kết bạn với tài khoản Z có tên "Lộc phát" đăng ký bằng số thuê bao "0866.616.398" của chị Nguyễn Thị D1 để giới thiệu M có thể soi cầu, cho số lô, số đề chính xác cao, trên 90% sẽ trúng thưởng với chi phí là 2.000.000 đồng/01 tháng. Chị D1 yêu cầu M gửi số lô, số đề trước một thời gian để chị theo dõi có trúng thưởng hay không mới trả phí. Từ ngày 12/9/2025, Minh tự nghĩ ra các số đề để gửi cho chị D1, tuy nhiên có ngày trúng, có ngày không trúng. Đồng thời lúc này, M gửi cho Nguyễn Văn T tài khoản Z "L1

phát" của chị D1 để T nhắn tin cho số lô, số đề mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D1. Sau đó, T sử dụng tài khoản Zalo có tên "Nguyễn Thiết" đăng ký bằng số thuê bao "0985882300" để nhắn tin đến tài khoản Z "L1 phát" của chị D1 để cho số lô, số đề, mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D1. Đến ngày 18/9/2025, M có gửi cho chị D1 các số đề có số trúng thưởng nên M yêu cầu chị D1 phải chuyển tiền thì mới tiếp tục cho số. Sau khi chị D1 đồng ý, M do lo sợ bị Cơ quan Công an phát hiện nên nói với T là cho M mượn số tài khoản ngân hàng của T để Z "Phát lộc" chuyển 2.000.000 đồng phí mua số lô, số đề cho M, sau đó M sẽ cho T 60.000 đồng thì T đồng ý. Nguyễn Văn T hiểu đây là tiền mà M lừa đảo chiếm đoạt của tài khoản Z "Lộc phát". Đến khoảng 18 giờ 35 ngày 18/9/2025, chị D1 sử dụng tài khoản ngân hàng M2 số "0866616398" mang tên "NGUYEN THI DỊU" chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng M2 số "0985882300" mang tên "NGUYEN VAN THIET" của T với số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 19/9/2025, Nguyễn Văn T sử dụng tài khoản ngân hàng nói trên của T để chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V số "1055239896" mang tên "PHAM VAN MINH" của M số tiền 1.940.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng). Sau khi chị D1 chuyển tiền, từ ngày 19/9/2025 đến ngày 02/10/2025, T và M tiếp tục tự nghĩ ra các số lô, số đề và gửi cho chị D1. Tuy nhiên, những số lô, số đề do M và T tự nghĩ ra đều không trùng khớp với kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày. Biết bị lừa nên chị D1 không xin số và hủy kết bạn với Z với M và T.

Vào ngày 12/10/2025, Công an xã Q, tỉnh Nghệ An tiến hành triệu tập, gọi hỏi, test ma túy đối với Phạm Văn M. Quá trình làm việc tại cơ quan Công an, Phạm Văn M xin được tự thú về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 13/10/2025, khi biết hành vi phạm tội đã bị phát hiện thì Nguyễn Văn T đã đến Công an xã Q, tỉnh Nghệ An để đầu thú về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra chứng minh được tổng số tiền mà Phạm Văn M lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị D1 là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Mặc dù biết mục đích lừa đảo của Phạm Văn M nhưng Nguyễn Văn T vẫn đồng ý và cho M mượn số tài khoản của mình để nhận tiền từ chị Nguyễn Thị D1 nên Nguyễn Văn T đồng phạm với Phạm Văn M

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-KV4 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An đã truy tố các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề

nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị D1 đã được các bị cáo trả lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét.

Về án phí các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N,Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo, bị hại và tại phiên tòa hôm nay có căn cứ kết luận:

Vào ngày 18/9/2025, tại thôn G Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, Phạm Văn M bằng thủ đoạn gian dối, thông qua hình thức cho số lô, số đề trên mạng Internet đã Lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị D1 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Nguyễn Văn T mặc dù biết Phạm Văn M mượn số tài khoản của mình để thực hiện hành vi lừa đảo nhưng vẫn đồng ý cho Minh M1 và hưởng lợi số tiền 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) nên đồng phạm với M về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại. Có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định

tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với bị cáo Phạm Văn M là người có vai trò đầu tiên, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, trực tiếp liên hệ với bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, trích lại tiền lừa đảo cho bị cáo T nên cần phải có mức hình phạt cao hơn bị cáo T, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên cũng xem cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cãi về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục hậu quả mà mình đã gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo chưa bị phát hiện bị cáo đã tự thú, tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s, r khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền bị cáo lừa đảo cũng chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo, số tiền bị cáo lừa đảo thì mức hình phạt cần thấp hơn so với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm đối với bị cáo M được bị cáo M nhờ sử dụng số tài khoản của bị cáo để nhận tiền và chuyển tiền. Bị cáo cũng biết rõ số tiền đó do bị cáo M phạm tội mà có nhưng vẫn

đồng ý cho mượn tài khoản và bị cáo cũng đã được hưởng lợi từ bị cáo M cũng cần phải xử nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu. trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cãi về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục hậu quả mà mình đã gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo, số tiền bị cáo lừa đảo thì mức hình phạt cũng cần thấp hơn so với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với chị Nguyễn Thị D1 là người đã mua số lô, số đề của Phạm Văn M nhưng không dùng số đã mua để đánh bạc trái phép nên không phải chịu trách nhiệm Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại chị D1 nhận đủ các tài sản đã mất không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh; Số IMEI: 353868101250069; Số IMEI2: 353868101108069, gắn thẻ sim số thuê bao 0395.093.882 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10C, màu đen; Số IMEI: 867243069767208; Số IMEI2: 867243069767216; gắn thẻ sim số thuê bao 0985.882.300. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều

36 Bộ luật hình sự BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 ngày tạm giữ (Từ ngày 13/10/2025 đến ngày 22/10/2025) tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 ngày tạm giữ (Từ ngày 13/10/2025 đến ngày 22/10/2025) tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn T được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn M cho UBND xã Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã H, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh; Số IMEI: 353868101250069; Số IMEI2: 353868101108069, gắn thẻ sim số thuê bao 0395.093.882 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10C, màu đen; Số IMEI: 867243069767208; Số IMEI2: 867243069767216; gắn thẻ sim số thuê bao 0985.882.300.

Tình trạng vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh N với Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Nghệ An.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Bị hại;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Huy